

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2022/DS-ST

Ngày 28- 7 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hương

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết V, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Lưu Thị M (vắng mặt).

Ông Huỳnh Văn H (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phạm Kiệt, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2022, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết V trình bày: Bà làm chủ hụi ở địa phương.

- Vào ngày 06/10/2018âl, bà có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, hụi này có 29 chung, mỗi tháng khai 01 kỳ. Bà Lưu Thị M tham gia 02 chung. Bà M hốt

hết 02 chân. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến ngày 12/6/2020 bà M làm tờ cam kết chốt hui còn nợ số tiền 16.600.000 đồng và cam kết trả trong 02 đợt. Đợt 1 cuối tháng 12/2020 trả 10.000.000 đồng, đợt 2 trả số tiền còn lại.

Khoảng tháng 02/2022, bà M và ông H có trả cho bà được 5.000.000 đồng, số tiền còn lại 11.600.000 đồng đến nay không trả.

Nay bà yêu cầu bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H trả số tiền 11.600.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn bà Lưu Thị M, ông Huỳnh Văn H đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định. Phát biểu về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền 11.600.000 đồng. Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- *Về thẩm quyền:* Do bị đơn bà Lưu Thị M, ông Huỳnh Văn H có nơi cư trú tại ấp Phạm Kiệt, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền hui, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H nhưng bà M và ông H đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng

mặt bà M, ông H theo quy định. Bà M và ông H không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo bà V trình bày, bà M có tham gia 02 chung hui trong dây hui do bà làm chủ. Hui loại 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 06/10/2018¹ và đã hót hết. Tính đến ngày khởi kiện thì dây hui này vẫn nhưng do bà M đã vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch hui nên bà khởi kiện yêu cầu bà M trả.

Trong thời gian bà M tham gia chơi hui thì ông Huỳnh Văn H với bà Lưu Thị M là vợ chồng nên buộc bà M với ông H có nghĩa vụ trả

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M và ông H trả cho bà, số tiền 11.600.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà V có cung cấp cho Tòa án danh sách hui viên của dây hui nêu trên và tờ cam kết chốt hui ngày 12/6/2020¹.

Xét, các bên giao dịch hui giữa bà V với bà Lưu Thị M là thực tế có xảy ra. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng qua xác minh các lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Hân, ông Lê Văn Hùng và ông Nguyễn Văn Chung có biết bà M tham gia 02 chung hui do bà V làm chủ và đã hót hết. Do đó, căn cứ vào giấy cam kết ngày 12/6/2020¹ và lời khai của các hui viên là có cơ sở làm căn cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời trình bày của các hui viên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H trả cho nguyên đơn số tiền 11.600.000 đồng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền mà nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 95, Điều 98, Điều 99 khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 196, Điều 205, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H trả cho bà Nguyễn Tuyết V, số tiền 11.600.000 đồng (*Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Tuyết V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H không thi hành xong khoản tiền trên, bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Lưu Thị M và ông Huỳnh Văn H phải nộp số tiền 580.000 đồng (*Năm trăm tám mươi nghìn đồng*); bà Nguyễn Tuyết V không phải chịu án phí. Ngày 17/5/2022 bà V có dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004837 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Chí Công